

**CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN AN THÀNH
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI
THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN ALLIANCE OF INTER-CONTINENTAL ACCOUNTANTS

Trụ sở chính: Số 3, ngõ 1295, đường Giải Phóng, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội
ĐT: (84) 4 3974 5080/81/82 * **Fax:** (84) 4 3974 5083
Email: cpahanoi@fpt.vn * **Website:** www.cpahanoi.com

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN AN THÀNH
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

HÀ NỘI, THÁNG 8 - 2015

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN AN THÀNH

Địa chỉ: Tầng 1 tòa nhà 18T2 Trung Hòa Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội

Tel: (84-4) 62 509 999 Fax : (84-4) 62 506 666

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	08
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 21

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán An Thành (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị	Chức vụ
Ông Nguyễn Bình Đông	Chủ tịch
Ông Phạm Ngọc Phú	Ủy viên
Ông Phạm Đức Toàn	Ủy viên
Ông Phạm Ngọc Toàn	Ủy viên
Ông Hà Duy Liệu	Ủy viên
Ban Giám đốc	Chức vụ
Ông Phạm Ngọc Phú	Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hùng	Phó Tổng giám đốc
Ông Lê Đình Trọng	Phó Tổng giám đốc

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30/06/2015 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính này hay không;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày phù hợp với Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty Chứng khoán, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/4/2012 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN THÀNH



Phạm Ngọc Phú

Tổng giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2015



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN ALLIANCE OF INTER-CONTINENTAL ACCOUNTANTS

Trụ sở chính: Số 3, ngõ 1295, đường Giải Phóng, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

ĐT: (84) 4 3974 5080/81/82

Fax: (84) 4 3974 5083

Email: cpahanoi@fpt.vn

Website: www.cpahanoi.com



Số: 108 /2015/BCKT/BCTC-CPAHANOI

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán An Thành**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tệ giữa niên độ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 được lập ngày 16 tháng 07 năm 2015 của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Thành (gọi tắt là "Công ty") được trình bày từ trang 05 đến trang 21 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các chính sách kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo kết quả công tác soát xét được lập thành sáu (06) bản bằng tiếng Việt. Công ty Cổ phần Chứng khoán An Thành giữ (05) bản tiếng Việt, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ (01) bản tiếng Việt. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



Nguyễn Ngọc Tinh
Tổng giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0132-2013-016-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Lê Văn Dò
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0231-2013-016-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30/06/2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		41.733.518.279	45.586.509.172
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	7.976.923.882	15.117.115.989
1 Tiền	111		7.976.923.882	15.117.115.989
2 Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	297.000.000	153.000.000
1 Đầu tư ngắn hạn	121		1.250.500.000	1.250.500.000
2 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(953.500.000)	(1.097.500.000)
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.12	33.459.594.397	29.860.540.274
1 Phải thu của khách hàng	131		1.912.904.717	1.912.904.717
2 Trả trước cho người bán	132		4.004.945.533	4.063.585.363
4 Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		29.454.648.864	25.792.468.040
5 Các khoản phải thu khác	138		3.464.487.131	3.522.044.760
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(5.377.391.848)	(5.430.462.606)
IV Hàng tồn kho	140		-	-
V Tài sản ngắn hạn khác	150		-	455.852.909
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	423.004.886
5 Tài sản ngắn hạn khác	158	V.3	-	32.848.023
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		2.808.499.399	2.202.703.754
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		168.231.942	177.447.407
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.4	-	-
- Nguyên giá	222		4.874.635.474	4.874.635.474
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.874.635.474)	(4.874.635.474)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.5	168.231.942	177.447.407
- Nguyên giá	228		3.763.179.700	3.703.179.700
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.594.947.758)	(3.525.732.293)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V Tài sản dài hạn khác	260		2.640.267.457	2.025.256.347
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6	646.998.528	165.072.118
3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.7	1.633.813.929	1.500.729.229
4. Tài sản dài hạn khác	268		359.455.000	359.455.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		44.542.017.678	47.789.212.926

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30/06/2015

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		8.580.946.481	11.818.812.241
I Nợ ngắn hạn	310		8.276.068.016	11.513.933.776
2 Phải trả người bán	312	V.8	-	116.454.545
3 Người mua trả tiền trước	313		4.500.000	4.501.000
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.9	123.100.146	72.948.512
5 Phải trả người lao động	315		103.335.384	102.641.562
6 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.10	11.456.000	196.334.471
7 Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	V.11	7.946.751.836	10.938.326.330
8 Doanh thu chưa thực hiện	328		86.924.650	82.727.356
II Nợ dài hạn	330		304.878.465	304.878.465
1 Phải trả dài hạn khác	333		304.878.465	304.878.465
B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		35.961.071.197	35.970.400.685
I Vốn chủ sở hữu	410	V.13.	35.961.071.197	35.970.400.685
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		41.000.000.000	41.000.000.000
2 Vốn khác của chủ sở hữu	413		254.256.853	254.256.853
3 Quỹ dự phòng tài chính	418		147.260.702	147.260.702
4 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(5.440.446.358)	(5.431.116.870)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		44.542.017.678	47.789.212.926

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30/06/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
6. Chứng khoán lưu ký		135.608.730.000	123.850.400.000
6.1. Chứng khoán giao dịch		135.552.670.000	123.841.800.000
- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		135.552.670.000	123.841.800.000
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch		56.060.000	8.600.000
- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước		56.060.000	8.600.000
- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài		-	-

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2015

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN AN THÀNH

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Văn Hùng

Nguyễn Văn Hùng

Phạm Ngọc Phú

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
1 Doanh thu	01	VI.14	3.688.039.365	5.250.644.772
<i>Trong đó:</i>				
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		1.053.102.569	2.095.553.005
Doanh thu hoạt động đầu tư CK, góp vốn	01.2		-	-
Doanh thu bảo lãnh phát hành CK	01.3		-	-
Doanh thu đại lý phát hành CK	01.4		-	-
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		-	-
Doanh thu lưu ký CK	01.6		-	-
Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7		-	-
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		-	-
Doanh thu khác	01.9		2.634.936.796	3.155.091.767
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10		3.688.039.365	5.250.644.772
4 Chi phí hoạt động kinh doanh	11	VI.15	2.009.740.223	2.747.934.527
5 Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		1.678.299.142	2.502.710.245
6 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.19	1.712.549.705	1.709.871.829
7 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20 - 25}	30		(34.250.563)	792.838.416
8 Thu nhập khác	31		24.921.075	24.747.108
9 Chi phí khác	32		-	-
10 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		24.921.075	24.747.108
11 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(9.329.488)	817.585.524
12 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.16	-	-
13 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
14 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(9.329.488)	817.585.524
15 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.17	(2)	199

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2015

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN AN THÀNH

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Văn Hùng

Nguyễn Văn Hùng

Phạm Ngọc Phú

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(9.329.488)	817.585.524
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		69.215.465	115.465.461
- Các khoản dự phòng	03		(197.070.758)	219.485.612
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(56.233.042)	(96.740.444)
- Chi phí lãi vay	6		7.714.343	1.553.091
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(185.703.480)	1.057.349.244
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(3.564.075.499)	(5.710.188.127)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(2.964.719.760)	5.837.934.647
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(481.926.410)	(54.329.859)
- Tiền lãi vay phải trả	13		-	(1.553.091)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(7.196.425.149)	1.129.212.814
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		56.233.042	80.138.777
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		56.233.042	80.138.777
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	700.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(700.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(7.140.192.107)	1.209.351.591
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		15.117.115.989	9.628.837.714
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		7.976.923.882	10.838.189.305

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2015

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN AN THÀNH

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Văn Hùng

Nguyễn Văn Hùng

Phạm Ngọc Phú

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/ giảm				Số dư cuối kỳ	
		Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015		Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014					
		Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	30/06/2015	30/06/2014	7	8
A	B	01/01/2015	01/01/2014	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		41.000.000.000	41.000.000.000	-	-	-	-	41.000.000.000	41.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-	-	-	-	-	-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu		254.256.853	254.256.853	-	-	-	-	254.256.853	254.256.853
8. Quỹ dự phòng tài chính		147.260.702	147.260.702	-	-	-	-	147.260.702	147.260.702
10. Lợi nhuận chưa phân phối		(5.431.116.870)	(4.751.865.475)	-	9.329.488	817.585.524	-	(5.440.446.358)	(3.934.279.951)
Cộng		35.970.400.685	36.649.652.080	-	9.329.488	817.585.524	-	35.961.071.197	37.467.237.604

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2015

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN AN THÀNH

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập



Nguyễn Văn Hùng

Nguyễn Văn Hùng

Phạm Ngọc Phú

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

I. Đặc điểm hoạt động của Doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Chứng khoán An Thành (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 64/UBCK-GP ngày 28/11/2007 và Giấy phép điều chỉnh số 297/UBCK-GP ngày 25/01/2010. Vốn điều lệ của Công ty là 41.000.000.000 đồng, tương đương 4.100.000 cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/ cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh, tư vấn và môi giới chứng khoán.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán./.

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 1 tòa nhà 18T2 Trung Hòa Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 62 509 999 Fax: (84-4) 62 506 666

4. Tổng số nhân viên: 16 người

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Riêng Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật Kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 - Chuẩn mực chung.

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính về Chế độ kế toán đối với các Công ty Chứng khoán, sửa đổi theo thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Áp dụng hướng dẫn kế toán

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(tiếp theo)

với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31/12/2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 tại thuyết minh số VI.18.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành đối với Công ty chứng khoán.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán Base Accounting.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng**1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003.

Công ty không có các khoản tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm 30/06/2015.

2. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**2.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định hữu hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định".

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao <năm></i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05
- Máy móc thiết bị	03 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

2.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm quản lý.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng TSCĐ vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(tiếp theo)

Việc ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định vô hình được thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình và thời gian khấu hao từ 03 đến 05 năm.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty là khoản đầu tư cổ phiếu của Công ty CP Thép Biên Hòa, có thời gian thu hồi dưới 1 năm, được ghi nhận theo giá gốc tại thời điểm thực hiện đầu tư.

Tại thời điểm 30/06/2015, Công ty đã thực hiện việc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn theo quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

4. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn là chi phí công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, phí quản lý thành viên, chi phí thuê mặt bằng và chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ trong thời gian trên 2 năm tài chính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo các quy định kế toán hiện hành.

5. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lỗ từ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

6. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu môi giới chứng khoán, phí phát vay margin, ứng trước tiền cho chứng khoán, doanh thu cho thuê văn phòng, chạy máy phát điện... và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

Doanh thu dịch vụ được xác định khi dịch vụ hoàn thành, đã phát hành hóa đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành (20%). Do trong kỳ kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ nên không xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Do Công ty không xác định được số lợi nhuận thực hiện trong tương lai để khấu trừ với số lỗ hiện tại nên Công ty chưa ghi nhận khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với số lỗ tính thuế chưa sử dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(tiếp theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	5.902.685	9.715.779
Tiền gửi ngân hàng	7.971.021.197	15.107.400.210
<i>Tiền gửi ngân hàng của Công ty</i>	24.269.361	4.169.073.880
<i>Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán</i>	4.912.151.836	7.640.731.330
<i>Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán</i>	3.034.600.000	3.297.595.000
Tổng cộng	7.976.923.882	15.117.115.989

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/06/2015		01/01/2015	
	Số lượng cổ phần	Giá trị (VND)	Số lượng cổ phần	Giá trị (VND)
Cổ phiếu				
Công ty CP Thép Biên Hòa	45.000	1.250.500.000	45.000	1.250.500.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn				
Công ty CP Thép Biên Hòa		(953.500.000)		(1.097.500.000)
Tổng cộng		297.000.000		153.000.000

Công ty mua đầu giá 25.000 cổ phần của Công ty CP Thép Biên Hòa vào ngày 18/11/2008. Qua hai lần mua thêm Công ty đã nắm giữ 45.000 cổ phần. Ngày 27/05/2015, Công ty đã có Công văn số 125/CV-ATSC gửi Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và ngày 03/06/2015 là Công văn số 129/CV-ATSC gửi Ủy ban chứng khoán Nhà nước xin được giải quyết để có thể lưu ký và bán số cổ phiếu nêu trên và thu hồi lại vốn cho các cổ đông do Công ty không có nghiệp vụ tự doanh chứng khoán. Đến ngày 16/07/2015, Công ty đã nhận được Công văn số 7070/VSD-LK của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam hướng dẫn Công ty mở tài khoản lưu ký tại chính đơn vị để lưu ký và thực hiện giao dịch bán toàn bộ số cổ phiếu nêu trên.

3. Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tạm ứng	-	32.848.023
<i>Phạm Thị Tâm</i>	-	25.000.000
<i>Nguyễn Văn Sơn</i>	-	2.988.000
<i>Hà Hồng Hải</i>	-	4.000.000
<i>Đối tượng khác</i>	-	860.023
Tổng cộng	-	32.848.023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(tiếp theo)

4. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Tổng cộng
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình			
Số dư đầu kỳ	1.671.272.763	3.203.362.711	4.874.635.474
Số dư cuối kỳ	1.671.272.763	3.203.362.711	4.874.635.474
Giá trị đã hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	1.671.272.763	3.203.362.711	4.874.635.474
Số dư cuối kỳ	1.671.272.763	3.203.362.711	4.874.635.474
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-	-

5. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Phần mềm quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá tài sản cố định		
Số dư đầu kỳ	3.703.179.700	3.703.179.700
- Mua trong năm	60.000.000	60.000.000
Số dư cuối kỳ	3.763.179.700	3.763.179.700
Giá trị đã hao mòn		
Số dư đầu kỳ	3.525.732.293	3.525.732.293
Khấu hao trong kỳ	69.215.465	69.215.465
Số dư cuối kỳ	3.594.947.758	3.594.947.758
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu kỳ	177.447.407	177.447.407
Tại ngày cuối kỳ	168.231.942	168.231.942

6. Chi phí trả trước dài hạn

30/06/2015

01/01/2015

VND

VND

Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	61.355.726	165.072.118
Phí quản lý thành viên	257.146.438	-
Chi phí thuê mặt bằng	172.200.000	-
Chi phí khác	156.296.364	-
Tổng cộng	646.998.528	165.072.118

7. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

30/06/2015

01/01/2015

VND

VND

Tiền nộp ban đầu	1.001.365.860	1.001.365.860
Tiền nộp bổ sung	133.084.700	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(tiếp theo)

Tiền lãi phân bổ	499.363.369	499.363.369
Tổng cộng	1.633.813.929	1.500.729.229
8. Phải trả người bán	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công ty CP Dịch vụ và Kỹ thuật tài chính Việt Nam	-	81.000.000
Công ty TNHH Kiểm toán An Phú	-	35.454.545
Tổng cộng	-	116.454.545
9. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Thuế GTGT đầu ra	521.322	1.004.374
Thuế thu nhập cá nhân	122.578.824	71.944.138
Tổng cộng	123.100.146	72.948.512
10. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Bảo hiểm thất nghiệp	-	2.138.471
Phải trả phải nộp khác	11.456.000	194.196.000
<i>Trương Quang Thịnh</i>	<i>2.000.000</i>	<i>2.000.000</i>
<i>Nguyễn Thanh Phương</i>	<i>3.876.000</i>	<i>3.876.000</i>
<i>Kim Thu Trang</i>	<i>2.000.000</i>	<i>2.000.000</i>
<i>Đỗ Thị Phương Liên</i>	<i>2.000.000</i>	<i>2.000.000</i>
<i>Nguyễn Thị Minh Tâm</i>	-	4.000.000
<i>Nguyễn Thị Kiều Oanh</i>	-	53.200.000
<i>Lưu Trọng Nghĩa</i>	-	15.200.000
<i>Lục Bích Diệp</i>	-	6.000.000
<i>Hồ Trịnh Huyền Trang</i>	-	7.600.000
<i>Công ty TNHH Nam Dũng</i>	-	76.000.000
<i>Dư có TK 1388</i>	-	16.500.000
<i>Đối tượng khác</i>	<i>1.580.000</i>	<i>5.820.000</i>
Tổng cộng	11.456.000	196.334.471
11. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền gửi nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	4.912.151.836	7.640.731.330
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	3.034.600.000	3.297.595.000
Tổng cộng	7.946.751.836	10.938.326.330

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN AN THÀNH

Địa chỉ: Tầng 1 tòa nhà 18T2 Trung Hòa Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội
Tel: (84-4) 62.509.999 Fax: (84-4) 62.506.666

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015
đến ngày 30/06/2015

Mẫu B09a - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015
(tiếp theo)

12. Các khoản phải thu ngắn hạn

Chi tiêu	01/01/2015		Phát sinh trong kỳ		30/06/2015		Đơn vị tính: VND
	Tổng số	Trong đó số quá hạn	Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó số quá hạn	
1. Phải thu của khách hàng	1.912.904.717	1.912.904.717	-	-	1.912.904.717	1.912.904.717	1.912.904.717
2. Phải thu hoạt động giao dịch CK	25.792.468.040	-	459.635.276.411	455.973.095.587	29.454.648.864	-	-
- Phải thu của TTGDCK	-	-	-	-	-	-	-
- Phải thu khách hàng về GDCK	25.792.468.040	-	459.635.276.411	455.973.095.587	29.454.648.864	-	-
3. Phải thu khác.	3.522.044.760	3.517.557.889	16.500.000	57.557.629	3.464.487.131	3.464.487.131	3.464.487.131
Góc trái phiếu quá hạn phải thu	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trái phiếu quá hạn phải thu	-	-	-	-	-	-	-
Lãi từ hợp đồng ủy thác quản lý vốn	-	-	-	-	-	-	-
Lãi từ hợp đồng tiền gửi, lãi cho vay	-	-	-	-	-	-	-
Phải thu khác	3.522.044.760	3.517.557.889	16.500.000	57.557.629	3.464.487.131	3.464.487.131	3.464.487.131
4. Trả trước cho người bán.	4.063.585.363	-	73.071.151	131.710.981	4.004.945.533	-	-
Tổng cộng	35.291.002.880	5.430.462.606	459.724.847.562	456.162.364.197	38.836.986.245	5.377.391.848	5.377.391.848

CÔNG TY CP CHÚNG KHOÁN AN THÀNH

Địa chỉ: Số 34B Hàn Thuyên, Phạm Đình Hồ, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Tel: (84-4) 3944 5474 Fax: (84-4) 3944 5475

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015

đến ngày 30/06/2015

Mẫu B09a - CTCK**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(tiếp theo)

13. Nguồn vốn chủ sở hữu**13.1. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Đơn vị tính: VND					
		Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014						
Tại ngày 01/01/2014		41.000.000.000	254.256.853	147.260.702	(4.751.865.475)	36.649.652.080
Lợi nhuận sau thuế trong năm		-	-	-	(679.251.395)	(679.251.395)
Tại ngày 31/12/2014		41.000.000.000	254.256.853	147.260.702	(5.431.116.870)	35.970.400.685
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015						
Tại ngày 01/01/2015		41.000.000.000	254.256.853	147.260.702	(5.431.116.870)	35.970.400.685
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ		-	-	-	(9.329.488)	(9.329.488)
Tại ngày 30/06/2015		41.000.000.000	254.256.853	147.260.702	(5.440.446.358)	35.961.071.197

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(tiếp theo)

13.2 Cổ phiếu

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.100.000	4.100.000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	4.100.000	4.100.000
Cổ phiếu phổ thông	4.100.000	4.100.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.100.000	4.100.000
Cổ phiếu phổ thông	4.100.000	4.100.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phiếu		

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

14. Doanh thu

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	1.053.102.569	2.095.553.005
Doanh thu khác	2.634.936.796	3.155.091.767
Tổng cộng	3.688.039.365	5.250.644.772

15. Chi phí hoạt động kinh doanh

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới và lưu ký chứng khoán	219.024.332	626.290.373
Chi phí trực tiếp chung	1.790.715.891	2.121.644.154
Chi phí nhân viên	103.680.076	293.599.969
Chi phí khấu hao tài sản cố định	59.415.467	105.665.463
Chi phí dự phòng kinh doanh chứng khoán	(144.000.000)	219.485.612
Chi phí trực tiếp khác	1.771.620.348	1.502.893.110
Tổng cộng	2.009.740.223	2.747.934.527

16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
	VND
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	3.712.960.440
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	3.722.289.928
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(9.329.488)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(tiếp theo)

17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(9.329.488)	817.585.524
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.100.000	4.100.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(2,28)	199,41

18. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ trừ đi lỗ lũy kế).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính trình bày tại Thuyết minh số IV.

Các loại Công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.976.923.882	15.117.115.989
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	297.000.000	153.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	29.454.648.864	25.796.954.911
Tổng cộng	37.728.572.746	41.067.070.900
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	7.958.207.836	11.251.115.346
Tổng cộng	7.958.207.836	11.251.115.346

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(tiếp theo)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 30/06/2015 do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản vay gốc. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày càng sớm nhất mà Công ty phải trả.

30/06/2015	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	7.958.207.836	-	7.958.207.836

01/01/2015	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	11.251.115.346	-	11.251.115.346

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao. Nhưng Ban giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/06/2015	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.976.923.882	-	7.976.923.882
Các khoản đầu tư tài chính	297.000.000	-	297.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	29.454.648.864	-	29.454.648.864

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(tiếp theo)

01/01/2015	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.117.115.989	-	15.117.115.989
Các khoản đầu tư tài chính	153.000.000	-	153.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	25.796.954.911	-	25.796.954.911

19. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.128.905.399	1.114.846.629
Chi phí vật liệu quản lý	22.951.713	30.028.450
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.799.998	9.799.998
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	184.456.124
Chi phí dịch vụ mua ngoài	88.169.569	240.514.065
Chi phí bằng tiền khác	459.723.026	130.226.563
Tổng cộng	1.712.549.705	1.709.871.829

VIII. Những thông tin khác

1. Thông tin về các bên liên quan

1.1 Thu nhập Ban giám đốc được hưởng trong kỳ

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Lương của Ban giám đốc	318.000.000	228.000.000
Cộng	318.000.000	228.000.000

2. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty CP Chứng khoán An Thành đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Phú.

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2015

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN AN THÀNH

Người lập

Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Hùng

Nguyễn Văn Hùng



Phạm Ngọc Phú